

**CPA
HANOI**

AicA

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CUỘC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Đã được kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

ĐC: Số 29, Biệt thự 2, KĐT Bắc Linh Đàm, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

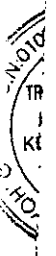
ĐT: (04) 3767 0720 / (04) 3785 5361 * Fax: (04) 3767 0721

Email: chinhanhcpahanoi@gmail.com * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CUỐC

Đ/c: Số 16/9 đường Bùi Văn Ba, Quận 7, Tp HCM

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tàu Cuốc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Tàu Cuốc là Công ty cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty thi công cơ giới thủy - Đầu tư và xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần mã số doanh nghiệp 0300565610 ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/9/2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa khẩu công trình thủy lợi, cửa sông, bến cảng. San lấp mặt bằng, bồi đắp công trình, xây dựng công trình thủy lợi trên hệ thống kênh; Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp. Nạo vét luồng, cảng, sông, biển. Xây dựng phần thủy công của công trình thủy điện. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Khai thác, vận tải vật liệu xây dựng, vật tư chuyên dùng.
- Lắp đặt các cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi.
- Mua bán tàu, xe, máy thiết bị chuyên dùng và phụ tùng, vật tư cho đóng mới, sửa chữa tàu, xe, máy. Mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị giao thông và xây dựng.
- Đóng mới, cải hoán, sửa chữa vỏ tàu chuyên dùng, xà lan và phương tiện vận tải thủy bộ.
- Gia công phục hồi phụ tùng trong lĩnh vực cơ giới thủy lục.
- Dạy nghề.
- San lấp mặt bằng, bồi đắp công trình.
- Sửa chữa xe, tàu, máy chuyên dùng.
- Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà.
- Sản xuất các loại cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi;

Trụ sở chính của Công ty tại số 16/9 đường Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), tổng số cổ phiếu là 2.500.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Đặng Kim Ái	Chủ tịch
Ông Đỗ Đại Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hải	Ủy viên
Ông Thái Hữu Vinh	Ủy viên
Ông Cao Thế Trung	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Huỳnh Văn Chánh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2012
Ông Cao Thế Trung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2012
Ông Lê Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2012
Ông Đỗ Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Thái Hữu Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Thắng	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

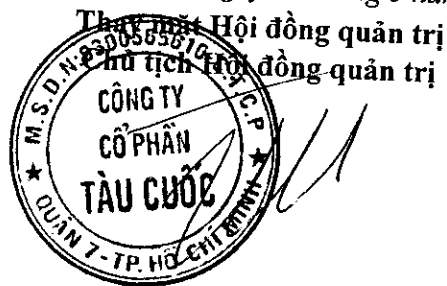
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2012 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty và phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu trên cơ sở thận trọng nhất;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu Cuốc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.
Tp Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2013



Đặng Kim Ái

Tp Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2013
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Chánh Tâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2013

Số: 57 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Tàu Cuốc

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tàu Cuốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tàu Cuốc được lập ngày 29/3/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty được ghi nhận tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 03. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công nợ phải thu, phải trả chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu vào thời điểm ngày 31/12/2012.

Số thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được xác định lại theo quyết định của cơ quan thuế.

203-C
Y
HẠN
N VÀ
HÀ NỘI
NH
ỘI
- TP. H

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của nó (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính thì, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tàu Cuốc tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
HÀ NỘI - CHI NHÁNH HÀ NỘI**



Giám đốc

Bùi Quang Hợp

Chứng chỉ KTV số: 1796/KTV

Kiểm toán viên

Đinh Thế Hùng

Chứng chỉ KTV số: 1917/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.641.774.958	128.286.868.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.752.210.828	14.438.072.322
1. Tiền	111	V.01	37.752.210.828	14.438.072.322
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		87.028.148.904	82.747.206.057
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	80.197.714.782	79.024.872.213
2. Trả trước cho người bán	132		1.257.748.874	1.295.721.781
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	5.572.685.248	2.426.612.063
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		23.966.747.296	26.230.785.268
1. Hàng tồn kho	141	V.04	23.966.747.296	26.230.785.268
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.894.667.930	4.870.805.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.147.351.115	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		259.914.605	191.101.123
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	4.487.402.210	4.679.704.169
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.525.668.076	28.703.561.342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.510.668.076	27.688.561.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8.811.150.168	10.979.530.984
- Nguyên giá	222		180.394.522.933	182.611.168.766
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(171.583.372.765)	(171.631.637.782)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	18.699.517.908	16.709.030.358
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	-	1.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.000.000	15.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183.167.443.034	156.990.430.281

H. Đ. M. S. C. N.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		154.302.497.145	126.552.722.482
I. Nợ ngắn hạn	310		154.280.497.145	126.530.722.482
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	31.370.000.000	21.921.277.500
2. Phải trả người bán	312		43.634.206.497	46.155.574.461
3. Người mua trả tiền trước	313		26.701.867.838	24.916.898.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	5.159.798.245	7.929.457.683
5. Phải trả công nhân viên	315		4.634.754.371	3.144.225.992
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	42.331.269.531	20.813.747.932
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		448.600.663	1.649.540.814
II. Nợ dài hạn	330		22.000.000	22.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	22.000.000	22.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.864.945.889	30.437.707.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	28.864.945.889	30.437.707.799
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		594.051.680	498.412.745
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		482.905.703	345.079.229
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		2.787.988.506	4.594.215.825
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		183.167.443.034	156.990.430.281

31/00e
TRÁCI
KIẾ
KẾ T
e
DANH

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			293,95	293,64
- EUR			285,95	285,71
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

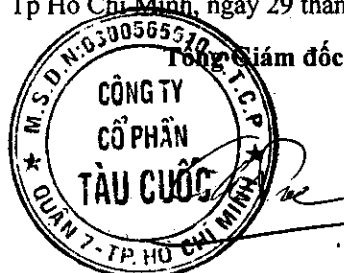
Người lập biểu

Kế toán trưởng




Hoàng Việt Thắng

Hoàng Việt Thắng



Huỳnh Văn Chánh Tâm

224
CÔNG
NHIỆP
M T C
DÁN
HI NI
HÀ
MA

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	125.557.676.262	133.193.098.404
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125.557.676.262	133.193.098.404
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	108.269.504.302	114.307.949.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.288.171.960	18.885.148.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	1.441.816.641	900.812.708
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	3.251.972.777	2.612.706.389
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.251.972.777	2.612.706.389
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.142.709.575	11.866.687.477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.335.306.249	5.306.567.626
11. Thu nhập khác	31		3.074.581.594	1.367.170.770
12. Chi phí khác	32		1.288.399.236	536.062.460
13. Lợi nhuận khác	40		1.786.182.358	831.108.310
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.121.488.607	6.137.675.936
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	1.333.500.101	1.543.460.111
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.787.988.506	4.594.215.825

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu



Hoàng Việt Thắng

Kế toán trưởng



Hoàng Việt Thắng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Chánh Tâm

11/3/13
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TÀU CUỐC
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	138.278.789.038	131.128.694.657
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(116.813.643.834)	(113.391.265.172)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.441.696.151)	(19.599.709.672)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.251.922.777)	(2.612.706.389)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.183.740.054)	(374.182.138)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	17.758.533.262	1.383.407.132
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.861.447.903)	(5.727.607.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.484.871.581	(9.193.369.440)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.108.627.481)	(867.363.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	1.561.616.420	331.379.167
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.261.300.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.119.335.486	900.812.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(166.375.575)	364.828.875
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	90.370.000.000	53.590.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.921.277.500)	(44.868.722.500)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.453.080.000)	(2.628.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.995.642.500	6.092.977.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.314.138.506	(2.735.563.065)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.438.072.322	17.173.635.387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	37.752.210.828	14.438.072.322

Hàng A
Hàng B
Hàng C
Hàng D
Hàng E
Hàng F
Hàng G
Hàng H
Hàng I
Hàng J
Hàng K
Hàng L
Hàng M
Hàng N
Hàng O
Hàng P
Hàng Q
Hàng R
Hàng S
Hàng T
Hàng U
Hàng V
Hàng W
Hàng X
Hàng Y
Hàng Z

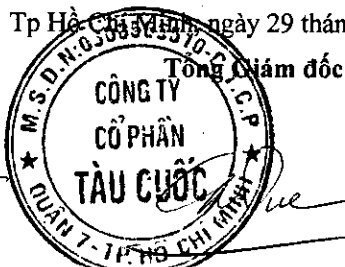
Tp Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Trần Thị Liên

Kế toán trưởng

Hoàng Việt Thắng



Tổng Giám đốc
Huỳnh Văn Chánh Tâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tàu Cuốc là Công ty cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty thi công cơ giới thủy - Đầu tư và xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0300565610 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/9/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số 16/9 đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa khẩu công trình thủy lợi, cửa sông, bến cảng. San lấp mặt bằng, bồi trúc công trình, xây dựng công trình thủy lợi trên hệ thống kênh; Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp. Nạo vét luồng, cảng, sông, biển. Xây dựng phần thủy công của công trình thủy điện. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Khai thác, vận tải vật liệu xây dựng, vật tư chuyên dùng.
- Lắp đặt các cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi.
- Mua bán tàu, xe, máy thiết bị chuyên dùng và phụ tùng, vật tư cho đóng mới, sửa chữa tàu, xe, máy. Mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị giao thông và xây dựng.
- Đóng mới, cải hoán, sửa chữa vỏ tàu chuyên dùng, xà lan và phương tiện vận tải thủy bộ.
- Gia công phục hồi phụ tùng trong lĩnh vực cơ giới thủy lục.
- Dạy nghề.
- San lấp mặt bằng, bồi trúc công trình.
- Sửa chữa xe, tàu, máy chuyên dùng.
- Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà.
- Sản xuất các loại cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi;

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh tại đơn vị được hạch toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - « Chênh lệch tỷ giá hối đoái »

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được coi là tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu

hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

M.S.C.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

HOA
KẾ
TR
NỘI

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
1 . Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	16.430.606.506	3.728.130.982
Tiền gửi ngân hàng	21.321.604.322	10.709.941.340
Cộng	37.752.210.828	14.438.072.322
2 . Phải thu của khách hàng		
Văn phòng Công ty	80.197.714.782	79.024.872.213
Cộng	80.197.714.782	79.024.872.213
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Các khoản phải thu khác	5.572.685.248	2.426.612.063
- Văn phòng Công ty	3.578.753.307	273.645.333
- Xí nghiệp Sông Tiền	192.862.390	400.971.670
- Xí nghiệp Sông Hậu	100.902.321	169.477.396
- Xí nghiệp Sài Gòn	323.391.030	386.048.422
- Xí nghiệp Thi công cơ giới	554.187.435	529.523.625
- Xí nghiệp Xây dựng Tàu Cuốc	125.425.676	45.622.539
- Xí nghiệp Tàu Cuốc Hà Nội	409.879.261	550.336.778
- Công trường Nghi Sơn	-	-
- Xưởng cơ khí và lắp máy	287.283.828	70.986.300
Cộng	5.572.685.248	2.426.612.063
4 . Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	3.998.729.261	6.666.668.332
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.968.018.035	19.564.116.936
Cộng	23.966.747.296	26.230.785.268
5 . Thuế và các khoản phải thu của nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Cộng	-	-
6 . Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	4.487.402.210	4.679.704.169
Cộng	4.487.402.210	4.679.704.169

2083
 CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CUỐC
 HỒ CHÍ MINH

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	3.645.876.354	171.128.425.285	6.993.509.860	843.357.267	182.611.168.766
Số tăng trong kỳ	-	203.000.000	-	-	203.000.000
- Mua trong năm	-	203.000.000	-	-	203.000.000
Số giảm trong kỳ	-	931.396.190	1.240.424.604	247.825.039	2.419.645.833
- Thanh lý, nhượng bán	-	931.396.190	1.240.424.604	247.825.039	2.419.645.833
Số dư cuối kỳ	3.645.876.354	170.400.029.095	5.753.085.256	595.532.228	180.394.522.933
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.400.396.837	161.838.644.046	5.706.979.149	685.617.750	171.631.637.782
Số tăng trong kỳ	27.344.073	1.986.628.008	255.898.647	29.480.993	2.299.351.721
- Khấu hao trong kỳ	27.344.073	1.986.628.008	255.898.647	29.480.993	2.299.351.721
Số giảm trong kỳ	-	906.787.207	1.199.032.237	241.797.294	2.347.616.738
- Thanh lý, nhượng bán	-	906.787.207	1.199.032.237	241.797.294	2.347.616.738
Số dư cuối kỳ	3.427.740.910	162.918.484.847	4.763.845.559	473.301.449	171.583.372.765
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	245.479.517	9.289.781.239	1.286.530.711	157.739.517	10.979.530.984
Tại ngày cuối kỳ	218.135.444	7.481.544.248	989.239.697	122.230.779	8.811.150.168

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 269.640.954 đồng
- Giá trị còn lại của các tài sản đem thế chấp 3.870.957.318 đồng

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012 01/01/2012
đồng đồng

Sửa chữa lớn tài sản cố định	18.699.517.908	16.709.030.358
Cộng	18.699.517.908	16.709.030.358

9 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2012 01/01/2012
đồng đồng

	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty cổ phần Cần Giờ (*)	-	-	12.613	1.000.000.000
Cộng	-	-	-	1.000.000.000

(*) Trong năm 2012, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư trên với số lãi là 261.300.000 đồng

10 . Tài sản dài hạn khác

31/12/2012 01/01/2012
đồng đồng

Ký cược, ký quỹ dài hạn	15.000.000	15.000.000
Cộng	15.000.000	15.000.000

11 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
Vay ngắn hạn	31.370.000.000	21.921.277.500
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Tiền Giang (*)	30.500.000.000	20.000.000.000
- Đinh Thị Từ Thiện	-	50.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc	-	500.000.000
- Trần Thị Liên	-	290.000.000
- Ung Thị Hoài Hà	-	1.081.277.500
- Hoàng Thị Thảo	340.000.000	
- Huỳnh Thị Thu	260.000.000	
- Mai Hoàng Khiêm	70.000.000	
- Võ Ngọc Mai	200.000.000	
Cộng	31.370.000.000	21.921.277.500

Hợp đồng vay 01/2012/HĐ ngày 27/11/2012 hạn mức vay 41.000.000.000 đồng đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay được chuyển tiếp từ hợp đồng hạn mức 01/2011/HĐ ngày 15/11/2011 và văn bản sửa đổi bổ sung (*) 01/2012/PLHĐ ngày 31/10/2012 sang. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn rút vốn từ 27/11/2012 đến hết ngày 30/6/2013. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp 01/2012/HĐ ngày 27/11/2012, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 39.190.000.000 đồng.

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.071.918.160	4.587.373.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.086.003.762	2.100.189.211
Thuế thu nhập cá nhân	1.876.323	672.250
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.241.222.500
Cộng	5.159.798.245	7.929.457.683

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế khi thực hiện kiểm tra.

13 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
Kinh phí công đoàn	442.631.318	533.976.820
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.667.894.415	1.052.755.134
Phải trả về cổ phần hóa	11.186.013.634	11.436.013.634
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.034.730.164	7.791.002.344
- Văn phòng Công ty	23.641.798.719	5.081.090.428
+ Trong đó: Cổ tức phải trả	5.010.260.000	3.963.340.000
- Xí nghiệp Sông Tiền	31.979.228	5.555.119
- Xí nghiệp Sài Gòn	14.617.475	74.290.099
- Xí nghiệp Thị công cơ giới	2.035.130.777	63.410.084
- Xí nghiệp Xây dựng Tàu Cuốc	3.144.809.786	2.531.066.910
- Xưởng cơ khí	130.804.475	
- Công trường Nghi Sơn	35.589.704	35.589.704
Cộng	42.331.269.531	20.813.747.932

14 . Phải trả dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	22.000.000	22.000.000
Cộng	22.000.000	22.000.000

15 . Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: đồng
					Cộng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	357.579.401	185.543.143	5.317.869.521	30.860.992.065
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.594.215.825	4.594.215.825
Tăng khác	-	140.833.344	159.536.086	-	300.369.430
Chia cổ tức	-	-	-	3.750.000.000	3.750.000.000
Giảm khác	-	-	-	1.567.869.521	1.567.869.521
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	498.412.745	345.079.229	4.594.215.825	30.437.707.799
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.787.988.506	2.787.988.506
Tăng khác	-	95.638.935	137.826.474	-	233.465.409
Chia cổ tức (*)	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	1.094.215.825	1.094.215.825
Số dư cuối kỳ	25.000.000.000	594.051.680	482.905.703	2.787.988.506	28.864.945.889

(*) Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26/05/2012

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
Vốn góp của Nhà nước	7.478.000.000	7.478.000.000
Vốn góp của Cổ đông khác	17.522.000.000	17.522.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

15.3. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức	31/12/2012	01/01/2012
	đồng	đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

15.4. Cổ phiếu	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

16 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	125.557.676.262	133.193.098.404
Cộng	125.557.676.262	133.193.098.404
17 . Giá vốn hàng bán	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	108.269.504.302	114.307.949.620
Cộng	108.269.504.302	114.307.949.620
18 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.016.716.013	900.812.708
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	163.800.628	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	261.300.000	
Cộng	1.441.816.641	900.812.708
19 . Chi phí tài chính	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền vay	3.251.972.777	2.612.706.389
Cộng	3.251.972.777	2.612.706.389
20 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm nay đồng
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		4.121.488.607
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN		1.212.511.800
c. Lợi nhuận chịu thuế TNDN (a+b)		5.334.000.407
d. Thuế suất thuế TNDN		25,00%
e. Thuế TNDN phải nộp (c*d)		1.333.500.101

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây dựng các công trình thủy lợi là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội

Người lập biểu

[Handwritten signature]

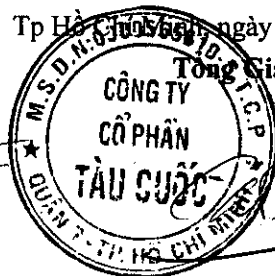
Hoàng Việt Thắng

Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Hoàng Việt Thắng

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Chánh Tâm

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/PS
Ngày..... tháng..... năm.....
18/03/2013

Phó Chủ tịch UBND P. Tân Thuận Đông



[Handwritten signature]
Đỗ Hữu Lộc